

Số: 133 /QĐ-THPTTC

Điện Biên Đông, ngày 02 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thu, chi ngân sách quý I năm 2025
của Trường THPT Trần Can huyện Điện Biên Đông**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT TRẦN CAN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thu, chi ngân sách quý I năm 2025 của Trường THPT Trần Can huyện Điện Biên Đông.

(Kèm theo biểu số 03 và đối chiếu quý I của KBNN)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Kế toán, các cá nhân và Bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- Dán bảng tin, đăng Website trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Đà

Đơn vị: Trường THPT Trần Can
Huyện Điện Biên Đông
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên Đông, ngày 02 tháng 04 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THPT Trần Can công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1 năm 2025 như sau:

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	16.282.000.000	3.960.713.018	48,8%	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	16.282.000.000	3.960.713.018	48,8%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.589.940.000	1.981.307.018	23,1%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.692.060.000	1.979.406.000	25,7%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				

ĐÀO
TRƯỜNG
LUNG H
HỒ TH
RẮN C
*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Điện Biên Đông, ngày 02 tháng 04 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Hữu Đà



Mã chương: 422

Đơn vị: Trường THPT Trần Can

Mã ĐVQHNS: 1031763

Mã cấp NS: 2



Người ký: Tạ Thị Thắm
Ngày ký: 02/04/2025 09:37:23
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 2 -
Kho bạc Nhà nước Khu vực IX
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 1 /Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	074	00000	0	7.313.000.000	7.313.000.000	7.313.000.000	7.313.000.000	1.979.406.000	1.979.406.000	0	0	0	5.333.594.000
13	074	00000	111.124.948	8.589.940.000	8.589.940.000	8.589.940.000	8.701.064.948	1.981.307.018	1.981.307.018	0	0	0	6.719.757.930
18	074	00000	0	379.060.000	379.060.000	379.060.000	379.060.000	0	0	0	0	0	379.060.000
Cộng:			111.124.948	16.282.000.000	16.282.000.000	16.282.000.000	16.393.124.948	3.960.713.018	3.960.713.018	0	0	0	12.432.411.930
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Cà Văn Hóa

Người ký: Tạ Thị Thắm
Ngày ký: 02/04/2025 09:37:23
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước Khu vực IX

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Hà Thị Quỳnh Hương
Ngày ký: 02/04/2025 08:31:05
Đơn vị: Trường THPT Trần Can

Người ký: Nguyễn Hữu Đà
Ngày ký: 02/04/2025 08:46:45
Đơn vị: Trường THPT Trần Can

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường THPT Trần Can

Mã ĐVQHNS: 1031763

Mã cấp NS: 2



Người ký: Tạ Thị Thắm
Ngày ký: 02/04/2025 09:37:24
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 2 -
Kho bạc Nhà nước Khu vực IX
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Các khoản hỗ trợ khác	12	074	6199	00000	0	0	1.979.406.000	1.979.406.000	1.979.406.000	1.979.406.000
Lương theo ngạch, bậc	13	074	6001	00000	0	0	953.799.454	953.799.454	953.799.454	953.799.454
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	074	6051	00000	0	0	38.107.200	38.107.200	38.107.200	38.107.200
Phụ cấp chức vụ	13	074	6101	00000	0	0	24.570.000	24.570.000	24.570.000	24.570.000
Phụ cấp khu vực	13	074	6102	00000	0	0	188.370.000	188.370.000	188.370.000	188.370.000
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	074	6107	00000	0	0	2.808.000	2.808.000	2.808.000	2.808.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	074	6112	00000	0	0	312.822.783	312.822.783	312.822.783	312.822.783
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	074	6113	00000	0	0	6.903.000	6.903.000	6.903.000	6.903.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	074	6115	00000	0	0	111.988.656	111.988.656	111.988.656	111.988.656
Phụ cấp khác	13	074	6149	00000	0	0	13.127.400	13.127.400	13.127.400	13.127.400
Bảo hiểm xã hội	13	074	6301	00000	0	0	197.384.826	197.384.826	197.384.826	197.384.826
Bảo hiểm y tế	13	074	6302	00000	0	0	33.837.606	33.837.606	33.837.606	33.837.606
Kinh phí công đoàn	13	074	6303	00000	0	0	22.460.604	22.460.604	22.460.604	22.460.604
Bảo hiểm thất nghiệp	13	074	6304	00000	0	0	10.873.462	10.873.462	10.873.462	10.873.462
Tiền điện	13	074	6501	00000	0	0	15.355.304	15.355.304	15.355.304	15.355.304
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	074	6552	00000	0	0	2.390.210	2.390.210	2.390.210	2.390.210

Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	13	074	6601	00000	0	0	444.000	444.000	444.000	444.000
Cước phí bưu chính	13	074	6603	00000	0	0	173.313	173.313	173.313	173.313
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	13	074	6605	00000	0	0	1.965.000	1.965.000	1.965.000	1.965.000
Khác	13	074	6649	00000	0	0	1.826.000	1.826.000	1.826.000	1.826.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	074	6701	00000	0	0	2.419.000	2.419.000	2.419.000	2.419.000
Phụ cấp công tác phí	13	074	6702	00000	0	0	11.750.000	11.750.000	11.750.000	11.750.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	074	6703	00000	0	0	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	074	6912	00000	0	0	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	13	074	7012	00000	0	0	3.708.000	3.708.000	3.708.000	3.708.000
Chi các khoản phí và lệ phí	13	074	7756	00000	0	0	1.399.200	1.399.200	1.399.200	1.399.200
Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	13	074	7854	00000	0	0	8.424.000	8.424.000	8.424.000	8.424.000
Cộng:					0	0	3.960.713.018	3.960.713.018	3.960.713.018	3.960.713.018
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Cà Văn Hóa

Người ký: Tạ Thị Thắm
Ngày ký: 02/04/2025 09:37:24
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước Khu vực IX

Tạ Thị Thắm

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Hà Thị Quỳnh Hương
Ngày ký: 02/04/2025 08:31:05
Đơn vị: Trường THPT Trần Cao

Người ký: Nguyễn Hữu Đà
Ngày ký: 02/04/2025 08:46:45
Đơn vị: Trường THPT Trần Cao

Hà Thị Quỳnh Hương

Nguyễn Hữu Đà